

Số 219/BC-TKT

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Tám và 8 tháng năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tháng 8 năm 2026, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh cơ bản ổn định trong điều kiện thời tiết nắng nóng xen kẽ mưa dông. Các địa phương tập trung chăm sóc, bảo vệ và thu hoạch cây trồng vụ Hè Thu, chủ động điều tiết nguồn nước, phòng trừ sâu bệnh; diện tích một số cây trồng giảm so với cùng kỳ. Chăn nuôi duy trì ổn định, đàn lợn và gia cầm tăng, đàn trâu, bò giảm; công tác phòng, chống dịch bệnh được tăng cường. Hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản được duy trì; sản xuất lâm nghiệp và công tác quản lý, bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng được triển khai tích cực. Thời gian tới, tiếp tục theo dõi sát diễn biến thời tiết, chủ động phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ cây trồng, vật nuôi và rừng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

1.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt



Tháng Tám hoạt động trồng trọt tập trung chăm sóc, bảo vệ và theo dõi diện tích lúa vụ Hè Thu; các địa phương chủ động điều tiết nước tưới, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, tạo điều kiện cho cây lúa sinh trưởng và trở tập trung. Các cây trồng hàng năm khác được chăm sóc, thu hoạch và gieo trồng theo kế hoạch.

Tiến độ gieo trồng cây vụ Hè Thu 2026: Đến ngày 20/8/2026, diện tích gieo cấy lúa vụ Hè Thu toàn tỉnh cơ bản đã ổn định ở mức 43.633 ha/45.516 ha kế hoạch, đạt 95,86% kế hoạch đề ra và bằng 95,95%, giảm 1.843 ha so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự suy giảm này là do tình trạng nắng nóng kéo dài và gay gắt ngay từ đầu vụ đã gây thiếu hụt nguồn nước tưới nghiêm trọng tại các khu vực cuối nguồn và xa công trình thủy lợi; quá trình công nghiệp

hóa và đô thị hóa đã thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng 286,32 ha đất lúa sang phục vụ các dự án hạ tầng, cụm công nghiệp và khu dân cư; người dân chủ động chuyển đổi sang trồng các loại cây hằng năm khác. Đến nay, toàn tỉnh có 42.232/43.633 ha lúa Hè Thu đã trở bông, đạt 96,79% diện tích gieo trồng; trong đó 3.762 ha đã được thu hoạch. Diện tích còn lại đang được tập trung chăm sóc, theo dõi các giai đoạn làm đồng, trở và phơi màu, chủ động ứng phó với thời tiết nắng nóng xen kẽ mưa dông. Ngoài ra trên địa bàn cũng tiến hành gieo trồng một số cây trồng cạn khác¹.

Tình hình sâu bệnh, thiệt hại: Trên cây lúa: Nhện gié gây hại trực tiếp trên bông và bẹ lá, tỷ lệ gây hại trung bình 5-7%, nơi cao 10-15%, cục bộ 30-40%; diện tích nhiễm 620 ha; bệnh khô vằn phát sinh và gây hại ở hầu hết các địa phương, gây hại nặng trên những chân ruộng gieo cấy dày, bón thừa đạm, ruộng có độ ẩm cao, tỷ lệ bệnh trung bình 5-7%, nơi cao 10-15%, cục bộ 20-25%; diện tích nhiễm 1.299 ha; Chuột tiếp tục gây hại trên cây lúa với tỷ lệ trung bình 3-5%, nơi cao 5-10%, cục bộ 15-20%; diện tích nhiễm 355 ha, tập trung chủ yếu tại các vùng cao cường, ven khu dân cư, khu vực gần gò đồi, bờ mương và những nơi có điều kiện thuận lợi cho chuột cư trú, sinh sản.

b. Chăn nuôi

Tình hình Chăn nuôi tháng 8 năm 2026

So với cùng kỳ năm trước



Nhìn chung, chăn nuôi trên địa bàn tiếp tục có sự chuyển dịch về cơ cấu vật nuôi. Đàn trâu, bò giảm do nhu cầu sử dụng sức kéo giảm, hiệu quả chăn nuôi chưa cao và thời gian quay vòng vốn dài; trong khi đàn lợn tăng nhờ dịch bệnh được kiểm soát tốt hơn, người dân đẩy mạnh tái đàn. Đàn gia cầm cơ bản ổn định và tăng nhẹ, phù hợp với xu hướng chăn nuôi các loại vật nuôi có chu kỳ sản xuất ngắn, khả năng quay vòng vốn nhanh và đáp ứng nhu cầu thị trường².

Tình hình dịch bệnh, thiệt hại: Dịch tả lợn châu Phi từ đầu năm đến nay, xảy ra tại 32 xã, phường làm 1.605 con lợn mắc bệnh chết, tiêu hủy với khối lượng 135.917 kg. Cúm gia cầm: xảy ra tại 02 xã (Cẩm Xuyên, Cẩm Duệ) làm 1.128 con

¹ Cây ngô đạt 2.182/2.312 ha, bằng 94,38% KH, lũy kế từ đầu năm đạt 14.249 ha (giảm 457 ha so với cùng kỳ năm 2025); Cây lạc đạt 198/327 ha bằng 60,55% KH, lũy kế từ đầu năm đạt 5.107 ha (giảm 1.161 ha); Khoai lang đạt 350/523 ha, bằng 66,92% KH, lũy kế từ đầu năm đạt 2.843 ha (giảm 301 ha); Rau các loại: 2.905/2.963 ha, bằng 98,04% KH. Lũy kế từ đầu năm đạt 13.902 ha (tăng 132 ha).

² Đàn trâu hiện có 49.983 con (giảm 10.369 con); đàn bò có 135.592 con (giảm 17.873 con); đàn lợn hiện có 348.586 con, tăng 2,72% (tăng 9.226 con); Đàn gia cầm hiện có 10.203 nghìn con, tăng 0,92% (tăng 93 nghìn con so với cùng kỳ năm trước).

gia cầm mắc bệnh chết, tiêu hủy của 34 hộ chăn nuôi; Dịch Viêm da nổi cục xảy ra tại 3 xã Kỳ Xuân, Kỳ Văn, Hương Xuân làm 25 con bò mắc bệnh, trong đó có 07 con bị chết và tiêu hủy, với khối lượng 660 kg. Lở mồm long móng xảy ra tại 03 xã (Kỳ Thượng, Sơn Giang, Thạch Hà) làm cho 27 con bò mắc bệnh.

1.2. Sản xuất lâm nghiệp



Trong tháng Tám hoạt động lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh cơ bản được duy trì ổn định. Thời tiết trong tháng có sự đan xen giữa các đợt nắng nóng, oi bức và mưa dông, mưa lớn do ảnh hưởng của hoàn lưu các hình thái thời tiết mùa hè, làm gia tăng nguy cơ xảy ra cháy rừng trong những thời điểm thời tiết khô nóng, đồng thời gây khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ rừng tại một số địa bàn.

Kết quả sản xuất: số cây lâm nghiệp trồng phân tán trong tháng ước đạt 39,4 nghìn cây, tăng 39,4 nghìn cây so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 8 tháng năm 2026 số cây lâm nghiệp trồng phân tán ước đạt hơn 1,44 triệu cây bằng 92,62% giảm hơn 115 nghìn cây so với cùng kỳ năm trước. Về diện tích rừng trồng mới tập trung trong tháng ước đạt 155 ha, bằng 35,86%, giảm 277,26 ha so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế đến tháng 8 năm 2026 diện tích rừng trồng mới ước đạt 5.683,5 ha, bằng 140,01% tăng 1.624,24 ha so với cùng kỳ năm trước.

Về khai thác gỗ và lâm sản trong tháng sản lượng khai thác ước đạt 35.126 m³, bằng 76,05%, giảm 11.060,42 m³ so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế từ đầu năm đến nay, sản lượng gỗ khai thác ước đạt 445.536,4 m³, bằng 135,39%, tăng 116.462,98 m³ so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng gỗ khai thác tăng chủ yếu do diện tích rừng trồng đến kỳ khai thác ngày càng nhiều, năng suất và sản lượng rừng được nâng lên. Đồng thời, giá gỗ nguyên liệu keo trầm đang cao nên người dân tận thu đối với diện tích rừng bị thiệt hại, gây đổ do ảnh hưởng của các cơn bão số 5, số 6 và số 10 đã góp phần làm tăng sản lượng khai thác.

Thiệt hại về rừng: Trong tháng Tám đã xảy ra 3 vụ phá rừng bằng 42,86% giảm 4 vụ so với cùng kỳ năm trước với diện tích rừng bị phá 1,06 ha, bằng 107%, tăng 0,07 ha so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế từ đầu năm đến nay 22 vụ phá rừng đã xảy ra với diện tích rừng bị phá là 5,17 ha (giảm 11 vụ - giảm 2,38 ha diện tích rừng bị phá so với cùng kỳ năm trước). Các vụ vi phạm đã được lực lượng kiểm lâm

phát hiện, xử lý kịp thời. Cũng trong tháng do ảnh hưởng của thời tiết nắng nóng gay gắt, trên địa bàn tỉnh đã ghi nhận 3 vụ cháy rừng với tổng diện tích thiệt hại ước tính là 1,3 ha. Lũy kế 8 tháng năm 2026 xảy ra 10 vụ cháy rừng với tổng diện tích thiệt hại ước tính là 17,29 ha. Các địa phương cần tiếp tục tăng cường trực ban, tuần tra và siết chặt hơn nữa các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng trong những tháng cao điểm mùa khô sắp tới.

1.3. Tình hình thủy sản



Kết quả sản xuất: Tổng sản lượng thủy sản tháng tám ước đạt 7.240 tấn, bằng 104,61%, tăng 319 tấn so với cùng kỳ, trong đó khai thác tăng 4,63% và nuôi trồng tăng 4,57%. Tính chung 8 tháng đầu năm, tổng sản lượng đạt 43.331 tấn, tăng 3,37% so với cùng kỳ năm trước.

Về khai thác thủy sản trong tháng Tám sản lượng khai thác ước đạt 4.357 tấn, bằng 104,63%, tăng 193 tấn so với cùng kỳ năm 2025. Khai thác biển ước đạt 3.925 tấn, bằng 105,14%, tăng 192 tấn so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 8 tháng, sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 31.742 tấn, bằng 103,19%, tăng 981 tấn so với cùng kỳ năm 2025. Sản lượng khai thác tăng nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi và nguồn lợi thủy sản trên ngư trường khá phong phú. Tuy nhiên, chi phí nhiên liệu và vật tư đầu vào vẫn ở mức cao, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác của ngư dân, nhất là đối với hoạt động khai thác xa bờ. **Về nuôi trồng thủy sản** sản lượng trong tháng Tám ước đạt 2.883 tấn, bằng 104,57%, tăng 126 tấn so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 8 tháng, sản lượng nuôi trồng ước đạt 11.589 tấn, bằng 103,85%, tăng 430 tấn so với cùng kỳ năm 2025.

Tình hình dịch bệnh, thiệt hại: Trong tháng, bệnh đốm trắng phát sinh trên tôm với diện tích 5 ha tại phường Hải Ninh, xã Thạch Hà. Tính chung 8 tháng đầu năm 2026, diện tích thủy sản bị dịch bệnh là 24,66 ha, chủ yếu do bệnh đốm trắng trên tôm. Dịch được phát hiện sớm, báo cáo kịp thời, chẩn đoán chính xác dịch bệnh, triển khai bao vây dịch bệnh ngay khi mới phát sinh và hỗ trợ hóa chất Clorin để xử lý kịp thời, nên dịch bệnh không lây lan ra diện rộng.

2. Sản xuất công nghiệp

Bước sang quý III năm 2026, sản xuất công nghiệp Hà Tĩnh tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng, là khu vực đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng chung của tỉnh.

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt, trong đó các sản phẩm chủ lực duy trì sản lượng và phát huy công suất. Hoạt động sản xuất, phân phối điện tăng khá, góp phần đáp ứng nhu cầu điện cho sản xuất và tiêu dùng. Các dự án công nghiệp trọng điểm tiếp tục đi vào vận hành, mở rộng năng lực sản xuất và tạo thêm giá trị tăng thêm cho ngành. Hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh tại các khu kinh tế, khu công nghiệp được duy trì, tạo động lực tăng trưởng cho những tháng cuối năm. Nhìn chung, công nghiệp tiếp tục là động lực tăng trưởng quan trọng, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2026.



2.1. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)

Ước tính tháng Tám chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,75% so với tháng trước và tăng 64,19% so với cùng kỳ³ cho thấy năng lực sản xuất của các ngành công nghiệp chủ lực tiếp tục được cải thiện rõ nét. Công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là khu vực đóng góp lớn vào giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo cơ bản ổn định so với tháng trước đồng thời ghi nhận mức tăng cao 75,29% so với cùng kỳ nhờ các dự án nhà máy sản xuất xe điện mới đi vào vận hành và phát huy hiệu quả.

Ước tính 8 tháng năm 2026, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh tăng 40,19% so với năm 2025. Cụ thể: Ngành công nghiệp khai khoáng giảm 8,51% làm giảm 0,14 điểm vào mức tăng chung toàn ngành; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 39,40% đóng góp 29,94 điểm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 52,18% đóng góp 10,3 điểm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,4% đóng góp 0,09 điểm mức tăng chung toàn ngành công nghiệp Hà Tĩnh.

Nhìn chung, 8 tháng năm 2026 ghi nhận những dấu hiệu tích cực làm tăng chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh như: (1) Chỉ số sản xuất ngành sản xuất đồ uống tăng 9,48% so với cùng kỳ năm trước; (2) Ngành sản xuất kim loại tăng 20,50% so với cùng kỳ năm 2025. Động lực chính dẫn dắt sự hồi phục mạnh mẽ này xuất phát từ việc Công ty Formosa đã chủ động khai thác và ký kết thành

³ Tháng 8/2026: Ngành khai khoáng giảm 1,21% so với tháng trước và tăng 5,02% so với cùng kỳ; ngành chế biến chế tạo tăng 5,08% so với tháng trước và tăng 75,29% so với cùng kỳ; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,90% so với tháng trước và tăng 38,63% so với cùng kỳ; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải dự ước giảm 0,45% so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước tăng 6,19%.

công các đơn hàng xuất khẩu quy mô lớn, tạo đà bứt phá cho năng lực sản xuất và tiêu thụ thép ngay từ những tháng đầu năm. Sản lượng thép không gỉ 8 tháng năm 2026 đạt 2.903 nghìn tấn, tăng 21,95% so với cùng kỳ năm trước; (3) Ngành sản xuất thiết bị điện tăng 66,89% so với cùng kỳ năm trước. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất pin lithium và pack pin của các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ năng lượng mới. Các dây chuyền sản xuất được vận hành ổn định, sản lượng sản xuất và tiêu thụ tiếp tục tăng khá so với cùng kỳ năm trước, đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của thị trường xe điện và các thiết bị lưu trữ năng lượng; (4) Nhà máy sản xuất điện trên địa bàn duy trì vận hành ổn định, bảo đảm sản lượng phát điện theo kế hoạch. Đây là động lực quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng của ngành trong năm 2026. Tính đến hết tháng 8/2026, chỉ số sản xuất ngành sản xuất và phân phối điện tăng 52,18% so với cùng kỳ. Sản lượng điện sản xuất trên địa bàn 8 tháng năm 2026 dự tính đạt 12,4 tỷ Kwh, tăng 54,06% so với cùng kỳ năm trước.

2.2. Một số sản phẩm chủ yếu

Trong 8 tháng năm 2026, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực. Kết quả tổng hợp từ 23 nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực cho thấy có 18 nhóm ghi nhận sản lượng tăng so với cùng kỳ năm trước và 1 nhóm sản phẩm tăng mới, chiếm 82,61% tổng số nhóm sản phẩm được theo dõi. Nhiều nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực ghi nhận mức tăng trưởng cao, đặc biệt là các sản phẩm thuộc lĩnh vực sản xuất và phân phối điện, sản xuất pin lithium, thiết bị điện, dệt may, chế biến thực phẩm, bao bì giấy và thức ăn chăn nuôi. Hoạt động sản xuất thép và các sản phẩm sau thép tiếp tục được duy trì ổn định, đóng góp lớn vào giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh. Sản lượng điện sản xuất tăng mạnh sau khi Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II chính thức vận hành thương mại cả hai tổ máy từ tháng 4/2026, nhà máy nhiệt điện Vũng Áng I hoạt động ổn định, tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng chung của ngành công nghiệp. Một số sản phẩm công nghiệp 8 tháng năm 2026 tăng so với cùng kỳ năm trước: Ấp quy bằng ion lithi tăng 126,04%; điện sản xuất tăng 54,06%; bê tông trộn sẵn tăng 61,17%; thức ăn gia súc tăng 31,68%; Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói tăng 33,47%...

Bên cạnh những kết quả tích cực, vẫn còn một số nhóm sản phẩm có sản lượng giảm so với cùng kỳ do chịu tác động từ biến động nhu cầu thị trường, nguồn nguyên liệu đầu vào hoặc quá trình điều chỉnh kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp. Tuy nhiên, số lượng nhóm sản phẩm giảm không nhiều và không ảnh hưởng đáng kể đến xu hướng tăng trưởng chung của toàn ngành. Một số sản phẩm công nghiệp 8 tháng năm 2026 giảm so với cùng kỳ năm trước: Nước uống được giảm 5,46%; vỏ bào, dăm gỗ giảm 23,14%; Đá xây dựng khác giảm 18,76%; Quặng Zircon và tinh quặng zircon giảm 49,76%.

2.3. Tình hình sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp

Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 8/2026 tăng

0,44% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước tăng 36,41%. Cộng dồn 8 tháng năm 2026 tăng 48,83% so với cùng kỳ năm 2025. Số lượng lao động tăng chủ yếu tập trung tại các doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong lĩnh vực sản xuất pin và thiết bị điện, chế biến thực phẩm, sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo khác. Đặc biệt, việc các dự án công nghiệp quy mô lớn trên địa bàn đi vào vận hành ổn định đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới, góp phần thu hút lao động địa phương và lao động kỹ thuật từ các khu vực lân cận.

Cụ thể, ngành sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 25,16%, phản ánh nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu các mặt hàng thiết yếu đang phục hồi mạnh mẽ. Bên cạnh đó, ngành sản xuất thiết bị điện tăng 55,83%, cho thấy sự mở rộng sản xuất và gia tăng đơn hàng. Đặc biệt công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh Vinfast đi vào hoạt động từ tháng 7/2025 và tiếp tục mở rộng sản xuất xe máy điện từ tháng 4/2026 làm gia tăng đáng kể nhu cầu tuyển dụng và sử dụng lao động. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến chỉ số lao động năm 2026 tăng mạnh so với cùng kỳ.

3. Đầu tư và xây dựng



Năm 2026, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn Hà Tĩnh tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần thúc đẩy tổng vốn đầu tư thực hiện của tỉnh. Công tác phân bổ vốn, giải phóng mặt bằng, tháo gỡ khó khăn về thủ tục và vật liệu xây dựng được tập trung thực hiện, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ các dự án. Cơ chế chấm điểm giải ngân và tăng cường trách nhiệm người đứng đầu góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công. Các chủ đầu tư chủ động hơn trong tổ chức thi công, nghiệm thu và thanh toán khối lượng hoàn thành, qua đó cải thiện tiến độ giải ngân. Cùng với nguồn vốn được bổ sung và điều kiện thi công thuận lợi, giá trị vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tăng khá so với cùng kỳ. Nhìn chung, đầu tư công tiếp tục phát huy vai trò là một trong những động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo hiệu ứng lan tỏa đến các ngành, lĩnh vực liên qua.

Tổng vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng 8/2026 ước đạt 1.279,77 tỷ đồng, tăng 3,02% so với tháng trước và

tăng 35,89% so với cùng kỳ năm trước⁴. Trong bối cảnh Chính phủ thực hiện chỉ đạo quyết liệt việc giải ngân vốn đầu tư công, đặt mục tiêu giải ngân 100% vốn đầu tư công trong năm 2026. Các giải pháp được triển khai toàn diện, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương. Từ đó, hoạt động giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh được thực hiện nhanh chóng, thuận lợi, thông suốt giữa các ban ngành quản lý Nhà nước. Tháng 8 cũng là thời điểm khâu giải phóng mặt bằng, chi trả tiền bồi thường một số dự án đạt mức cao, dẫn đến tổng khối lượng vốn thực hiện tăng cao. Nhất là các dự án trọng điểm tại khu công nghiệp Vũng Áng.

Trong tháng, một số công trình có khối lượng thực hiện lớn gồm: Dự án đường trục chính trung tâm nội Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương ước đạt khoảng 31,50 tỷ đồng; Dự án Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hương Khê ước đạt 15 tỷ đồng; Dự án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng hạ tầng Khu tái định cư tại phường Vũng Áng ước đạt 30 tỷ đồng; Hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 7, phường Hà Huy Tập ước đạt 9 tỷ đồng.

Cộng dồn 8 tháng năm 2026, tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 5.713,74 tỷ đồng, tăng 32,01% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 4.766,45 tỷ đồng, tăng 18,89% so với cùng kỳ năm trước; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước đạt 947,29 tỷ đồng, tăng 196,95% so với cùng kỳ năm trước.

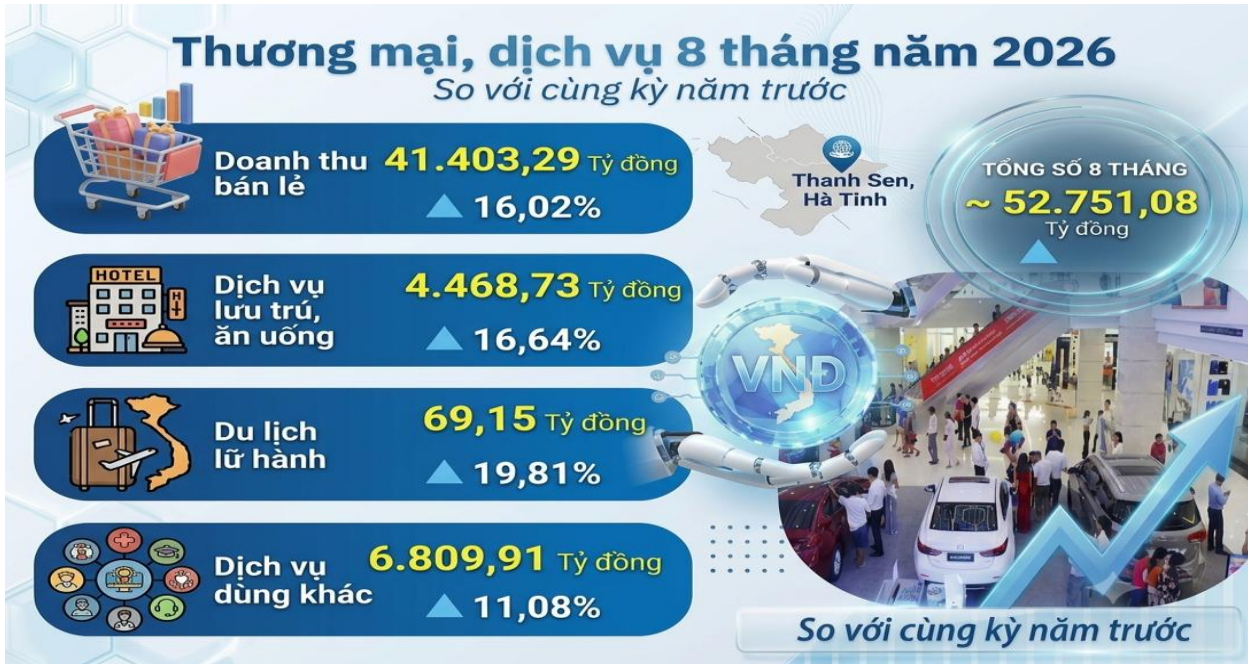
Khối lượng thực hiện vốn đầu tư tiếp tục tập trung vào các công trình chuyển tiếp, các dự án hạ tầng giao thông kết nối vùng, đô thị động lực, công trình giáo dục, thủy lợi và phòng, chống thiên tai. Điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi trong những tháng giữa năm, cùng với việc các chủ đầu tư, nhà thầu chủ động tổ chức thi công, tăng cường nhân lực, máy móc và đẩy nhanh tiến độ tại các công trường đã góp phần nâng cao khối lượng thực hiện. Công tác giải phóng mặt bằng, cung ứng vật liệu xây dựng, nghiệm thu và thanh toán vốn được các cấp, các ngành tập trung tháo gỡ, qua đó hạn chế tình trạng dự án phải tạm dừng hoặc kéo dài thời gian thực hiện. Bên cạnh đó, kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công tiếp tục được tăng cường; trách nhiệm của người đứng đầu, chủ đầu tư và ban quản lý dự án được đề cao; công tác kiểm tra, đôn đốc tiến độ và thanh toán vốn được thực hiện thường xuyên. Những yếu tố trên, cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp chính quyền và sự chủ động của các chủ đầu tư, đã góp phần thúc đẩy giá trị thực hiện vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tăng khá trong 8 tháng đầu năm, tạo nền tảng thuận lợi để tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn trong những tháng cuối năm 2026.

4. Thương mại, dịch vụ

4.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

⁴ Tháng 8/2026: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 1.103,59 tỷ đồng, tăng 3,28% so với tháng trước và tăng 26,13% so với cùng kỳ năm trước; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước đạt 176,18 tỷ đồng, tăng 1,43% so với tháng trước và tăng 163,63% so với cùng kỳ năm trước.

Trong tháng 8/2026, hoạt động thương mại, dịch vụ và vận tải trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh cơ bản ổn định, song có sự phân hóa giữa các ngành. Hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng hóa tiếp tục tăng nhờ nhu cầu tiêu dùng và mua sắm phục vụ năm học mới; trong khi dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch giảm so với tháng trước do yếu tố mùa vụ, kết thúc kỳ nghỉ hè và ảnh hưởng của tháng 7 âm lịch. Hoạt động vận tải và kho bãi duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân.



Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng Tám ước đạt 5.505,94 tỷ đồng, tăng 1,86% so với tháng trước và tăng 22,96% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu mua sắm quần áo, đồ dùng học tập và các sản phẩm phục vụ học sinh, sinh viên tăng khi thời điểm khai giảng năm học mới đến gần; hoạt động xây dựng, sửa chữa và hoàn thiện nhà ở của các hộ dân làm gia tăng nhu cầu đối với nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình và một số hàng hóa liên quan; hệ thống chợ, siêu thị, cửa hàng bán lẻ trên địa bàn hoạt động tương đối ổn định, nguồn hàng cơ bản dồi dào, đa dạng về chủng loại, đáp ứng kịp thời nhu cầu mua sắm của người dân.

Tính chung 8 tháng năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 41.403,29 tỷ đồng, tăng 16,02% so với cùng kỳ năm trước. Trong 12 nhóm hàng hóa có 10 nhóm hàng hóa tăng trưởng dương⁵. Nhìn chung 8 tháng năm, hoạt động bán lẻ trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định và tích cực. Kết quả này tiếp tục khẳng định hiệu quả trong công tác điều hành quản lý thị trường và năng lực thích ứng linh hoạt của các doanh nghiệp, đóng góp quan trọng vào việc hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương.

⁵ Nhóm lương thực, thực phẩm tăng 11,95%; hàng may mặc tăng 21,03%; đồ dùng gia đình tăng 23,61%; vật phẩm, giáo dục tăng 19,90%; ô tô con tăng 82,25%; xăng, dầu các loại tăng 5,76%; Nhiên liệu khác tăng 40,87%; Đá quý, kim loại tăng 40,74%; phương tiện đi lại tăng 30,79%; hàng hóa khác tăng 19,85%; trong khi đó nhóm hàng gỗ và vật liệu xây dựng giảm 2,74%; dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy giảm 6,46% so với cùng kỳ năm trước

Dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lễ hành tháng Tám doanh thu dự tính đạt 640,13 tỷ đồng, giảm 4,73% so với tháng trước và tăng 22,32% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng qua, doanh thu và lượng khách lưu trú có xu hướng giảm sút đáng kể so với tháng trước do đã kết thúc mùa du lịch cao điểm. Bên cạnh đó, thời tiết giao mùa bất lợi tại một số địa phương cũng ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định đi lại của du khách. Cùng với đó, đây là thời điểm trùng với tháng 7 âm lịch (tháng ngâu). Theo tâm lý truyền thống của người Việt, lượng khách hàng hạn chế đi lại, du lịch cũng như tổ chức các sự kiện, tiệc cưới trong tháng này. Học sinh và sinh viên đã quay trở lại trường học, khiến các gia đình hạn chế các kế hoạch nghỉ dưỡng dài ngày. Mặc dù vậy, các chỉ số này vẫn ghi nhận mức tăng trưởng rất khả quan so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 8 tháng năm 2026 doanh thu nhóm ngành này ước đạt 4.468,73 tỷ đồng, tăng 16,64% tăng khá so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do nhu cầu du lịch, nghỉ dưỡng và tiêu dùng của người dân, du khách phục hồi, lượng khách đến các điểm tham quan tăng. Các cơ sở kinh doanh chủ động nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, triển khai các chương trình kích cầu và đẩy mạnh quảng bá, góp phần thu hút khách. Việc ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, đặt phòng, đặt dịch vụ và thanh toán cũng tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh. Mặc dù tháng Tám nhu cầu có xu hướng giảm do kết thúc mùa du lịch hè và ảnh hưởng của tháng Bảy âm lịch nhưng nhìn chung 8 tháng, khu vực dịch vụ vẫn duy trì đà tăng trưởng, đóng góp tích cực vào phát triển thương mại, dịch vụ của tỉnh.

Dịch vụ khác doanh thu tháng Tám ước đạt 909,13 tỷ đồng, tăng 1,33% so với tháng trước và tăng 14,24% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này chủ yếu do nhu cầu đối với các dịch vụ hành chính, hỗ trợ, giáo dục, y tế, chăm sóc cá nhân và sửa chữa đồ dùng gia đình tiếp tục tăng. Tính chung 8 tháng đầu năm 2026 dự ước thực hiện đạt 6.809,91 tỷ đồng, tăng 11,08% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng chủ yếu nhờ hoạt động sản xuất, kinh doanh, xây dựng và đầu tư trên địa bàn được duy trì, kéo theo nhu cầu thuê lao động, máy móc, thiết bị, vệ sinh công nghiệp, in ấn và các dịch vụ hỗ trợ. Nhu cầu học tập, đào tạo, chăm sóc sức khỏe, sửa chữa thiết bị điện tử, đồ dùng gia đình và các dịch vụ chăm sóc cá nhân cũng có xu hướng tăng. Bên cạnh đó, thị trường bất động sản và các hoạt động vui chơi, giải trí, du lịch cơ bản ổn định, góp phần duy trì mức tăng của toàn nhóm. Nhìn chung, khu vực dịch vụ khác tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá, phản ánh sự gia tăng nhu cầu của doanh nghiệp và người dân. Đây là yếu tố góp phần tích cực vào tăng trưởng khu vực dịch vụ và hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh trong 8 tháng năm 2026.

4.2. Hoạt động vận tải

Trong tháng Tám hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh cơ bản ổn định, đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất, kinh doanh. Vận tải hàng hóa tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, gắn với hoạt động công nghiệp, xây dựng, thương mại và xuất nhập khẩu, đặc biệt tại Khu kinh tế Vũng Áng và khu vực cảng biển. Vận tải hành khách có xu hướng

chậm lại do kết thúc kỳ nghỉ hè nhưng vẫn đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân. Nhìn chung, hoạt động vận tải, kho bãi tiếp tục góp phần bảo đảm lưu thông hàng hóa và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động vận tải 8 tháng năm 2026

SỐ VỚI CÙNG KỲ NĂM 2025

Vận tải hàng hóa



3.797,42

tỷ đồng

▲ 16,58%

Vận tải hành khách



1.3306,03

tỷ đồng

▲ 15,46%

Tổng doanh thu: **6.565,66** tỷ đồng ▲ 18,98%

Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 8 ước đạt 904,45 tỷ đồng, tăng 2,65% so với tháng trước và tăng 26,62% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Vận tải hành khách ước đạt 176,89 tỷ đồng, tăng 2,59% so với tháng trước và tăng 23,40% so với cùng kỳ năm trước, nhu cầu đi lại của người dân tăng trong mùa du lịch hè; Vận tải hàng hóa ước đạt 526,15 tỷ đồng, tăng 2,74% so với tháng trước và tăng 26,40% so với cùng kỳ năm trước. Do hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tiếp tục được duy trì ổn định, làm gia tăng nhu cầu vận chuyển nguyên vật liệu và hàng hóa phục vụ sản xuất, tiêu dùng. Bên cạnh đó, các mặt hàng chủ lực của tỉnh như vật liệu xây dựng, khoáng sản, nông sản và hàng hóa xuất nhập khẩu qua khu vực cảng biển tiếp tục được lưu thông thuận lợi. Hoạt động logistics và dịch vụ kho bãi được cải thiện, cùng với việc các doanh nghiệp vận tải chủ động mở rộng năng lực khai thác, đã góp phần thúc đẩy doanh thu vận tải hàng hóa tăng so với tháng trước.

Tính chung 8 tháng năm 2026 doanh thu vận tải, kho bãi ước đạt 6.565,66 tỷ đồng, tăng 18,98% so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh duy trì mức tăng trưởng khá, với doanh thu của các loại hình đều cao hơn cùng kỳ năm trước. Kết quả này phản ánh sự cải thiện về quy mô lưu thông hàng hóa, nhu cầu vận chuyển phục vụ sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng, đồng thời cho thấy năng lực khai thác của các doanh nghiệp vận tải từng bước được nâng cao. Sự ổn định của các hoạt động công nghiệp, thương mại, xuất nhập khẩu tại Khu kinh tế Vũng Áng và khu vực cảng biển đã tạo nền tảng quan trọng cho ngành phát triển. Cùng với vận tải, các dịch vụ kho bãi, logistics, bốc xếp, giao nhận và bưu chính, chuyển phát tiếp tục mở rộng, đáp ứng tốt hơn yêu cầu lưu giữ, trung chuyển và phân phối hàng hóa tạo đà cho hoạt động vận tải tăng trưởng ổn định.

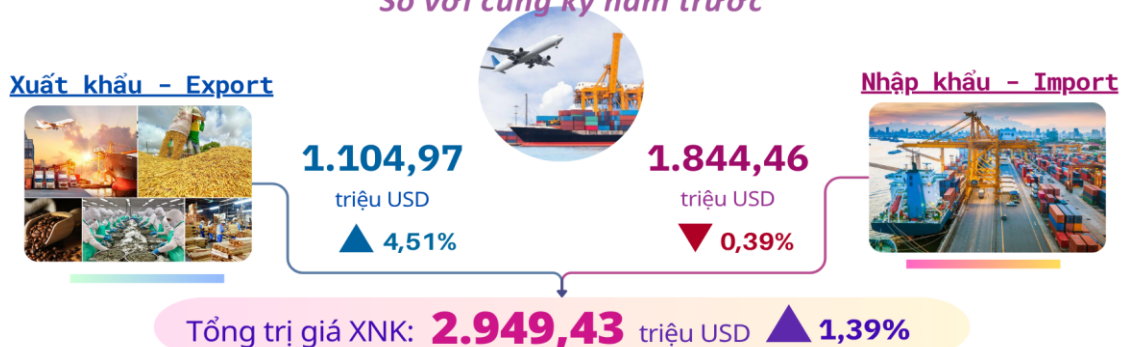
4.3. Xuất nhập khẩu hàng hóa

Trong tháng Tám năm 2026, hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục tăng trưởng khá. Trị giá xuất khẩu đạt 162,8 triệu USD, tăng 8,10% so với tháng trước và 4,64% so với cùng kỳ; nhập khẩu đạt 295,6 triệu USD, tăng 1,79% so với tháng trước và 75,51% so với cùng kỳ. Tính chung 8 tháng, tổng trị giá xuất nhập khẩu

đạt 2.949,43 triệu USD, tăng 1,39% so với cùng kỳ; cán cân thương mại nhập siêu 739,49 triệu USD, giảm 6,92% so với cùng kỳ.

Xuất khẩu - Nhập khẩu 8 tháng năm 2026

So với cùng kỳ năm trước



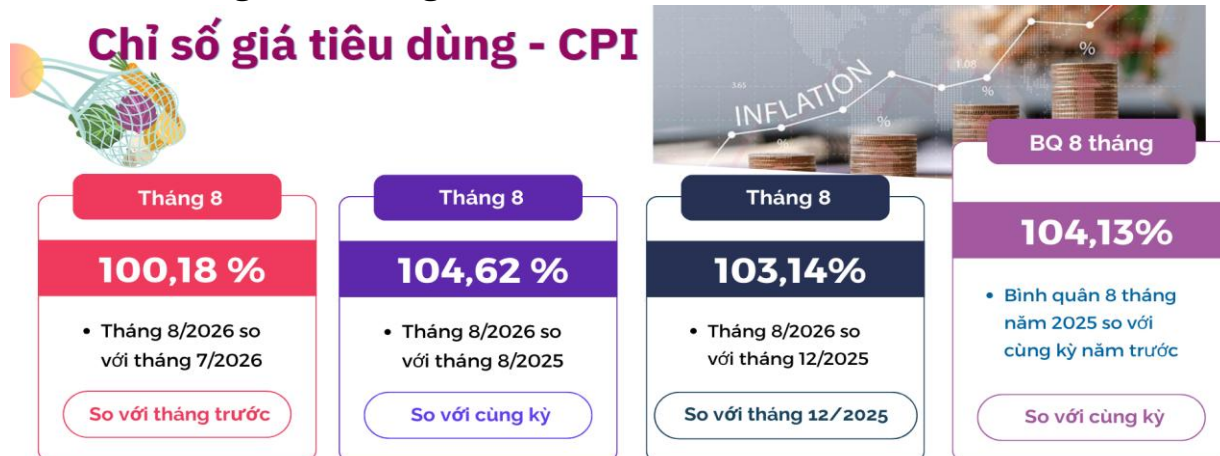
Về xuất khẩu: Trị giá xuất khẩu toàn tỉnh trong tháng Tám ước đạt 162,8 triệu USD, tăng 8,10% so với tháng trước và tăng 4,64% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 8 tháng năm 2026, tổng trị giá xuất khẩu ước đạt 1.104,97 triệu USD, tăng 4,51% so với cùng kỳ năm 2025. Đóng góp chính vào quy mô xuất khẩu toàn tỉnh tiếp tục là nhóm hàng công nghiệp chế biến, chế tạo, trong đó thép và phôi thép vẫn giữ vai trò chủ lực. Trong tháng Tám xuất khẩu thép và phôi thép đạt 130,6 triệu USD, tăng 8,0% so với tháng trước và tăng 28,44% so với cùng kỳ năm 2025; tính chung 8 tháng đạt 834,40 triệu USD, giảm nhẹ 0,58% so với cùng kỳ năm trước, chiếm khoảng 75,5% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Dăm gỗ tiếp tục là điểm sáng trong các mặt hàng xuất khẩu của tỉnh, tính chung 8 tháng đạt 60,4 triệu USD, tăng 46,46% so với cùng kỳ. Kết quả này cho thấy nhu cầu thị trường đối với mặt hàng dăm gỗ vẫn duy trì khá tốt. Hàng dệt và may mặc cũng tiếp tục có mức tăng trưởng khá cho thấy sự phục hồi của ngành may mặc, tuy nhiên vẫn chưa bù đắp được mức sụt giảm trong những tháng đầu năm. Bên cạnh đó, xuất khẩu thủy sản cũng bước đầu có những tín hiệu tích cực.

Về nhập khẩu: Trị giá nhập khẩu tháng Tám ước đạt 295,60 triệu USD, tăng 1,79% so với tháng trước và tăng rất mạnh 75,51% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 8 tháng năm 2026 đạt 1.844,46 triệu USD, giảm nhẹ 0,39% so với cùng kỳ năm trước. Trong cơ cấu nhập khẩu, nhập khẩu từ Formosa tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn. Riêng tháng 8/2026, trị giá nhập khẩu từ Formosa đạt 196,50 triệu USD, tăng 0,46% so với tháng trước và cao gấp 2,4 lần so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 8 tháng, nhập khẩu từ Formosa đạt 1.199,65 triệu USD, giảm 9,66% so với cùng kỳ năm trước. Diễn biến này cho thấy hoạt động nhập khẩu của tỉnh vẫn phụ thuộc đáng kể vào nhu cầu nguyên liệu, máy móc và đầu vào phục vụ sản xuất của khu vực doanh nghiệp FDI, đặc biệt là Formosa.

Nhìn chung, tình hình xuất nhập khẩu tháng Tám và 8 tháng năm 2026 tiếp tục có những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh vẫn còn một số hạn chế. Quy mô xuất khẩu phụ thuộc lớn vào một số mặt hàng chủ lực, đặc biệt là thép và phôi thép; xuất khẩu chè và hàng dệt may tính chung 8

tháng vẫn thấp hơn cùng kỳ. Trong khi đó, nhập khẩu duy trì quy mô lớn hơn đáng kể so với xuất khẩu, khiến cán cân thương mại tiếp tục nhập siêu. Mặc dù vậy, mức nhập siêu 8 tháng đã thu hẹp so với cùng kỳ năm trước, là tín hiệu tích cực đối với cân đối thương mại của tỉnh.

5. Chỉ số giá tiêu dùng



Tháng 8/2026, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh tăng 0,18% so với tháng trước. Mức tăng chủ yếu do giá xăng, dầu trong nước tăng theo diễn biến của giá nhiên liệu thế giới, tác động làm chỉ số giá nhóm giao thông tăng; cùng với đó, giá một số mặt hàng lương thực, dịch vụ ăn uống ngoài gia đình, dịch vụ giáo dục và giá vàng tiếp tục tăng, góp phần đẩy mặt bằng giá tiêu dùng chung tăng trong tháng. So với tháng 12/2025, CPI tháng 8/2026 tăng 3,14%; tăng 4,62% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2026, CPI tăng 4,13% so với cùng kỳ năm 2025.

CPI tháng Tám tăng 0,18% so với tháng trước nhưng tăng đến 4,62% so với cùng kỳ. So với tháng trước, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 05 nhóm hàng hóa tăng giá, có 06 nhóm hàng hóa giảm giá. Tác động chủ yếu đến tình hình giá cả trong tháng chủ yếu do nhóm giao thông tăng 2,64%⁶; Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,26%. Ở chiều ngược lại, nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 1,20%; Nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 0,93%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,17%.

Một số yếu tố chính tác động đến giá cả thị trường tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ trong tháng như sau: Nhóm lương thực, đặc biệt là gạo nếp có xu hướng tăng do nguồn cung từ vụ thu hoạch trước giảm dần, trong khi nhu cầu tiêu dùng và chế biến thực phẩm của người dân tăng nhẹ; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng do nhu cầu sử dụng dịch vụ ăn uống bên ngoài gia đình tăng vào thời điểm cuối kỳ nghỉ hè, khi học sinh các trường ngoài công lập, trường tư thục bắt đầu trở lại trường, làm gia tăng nhu cầu ăn sáng, ăn trưa và các dịch vụ ăn uống tại khu vực trường học. Bên cạnh đó, chi phí nguyên liệu đầu vào, nhân công và chi phí vận hành của các cơ sở kinh doanh ăn uống tăng cũng góp phần đẩy giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng trong tháng; Nhóm giao thông tăng giá chủ yếu do giá xăng dầu trong

⁶ Giá xăng tăng 9,39%, dầu diesel tăng 22,17%, phí học lái xe cũng tăng 7,35% so với tháng trước

nước được điều chỉnh tăng theo diễn biến của giá năng lượng thế giới, làm chi phí sử dụng phương tiện và vận tải tăng. Bên cạnh đó, phí học lái xe tăng do các cơ sở đào tạo điều chỉnh mức thu phù hợp với chi phí đào tạo, chi phí nhiên liệu, nhân công và mặt bằng giá đào tạo nghề hằng năm; Giá dịch vụ giáo dục tăng chủ yếu do một số khoản học phí được điều chỉnh theo năm học 2026-2027, phù hợp với mức thu và lộ trình điều chỉnh học phí của các cơ sở giáo dục.

Tính chung 8 tháng, mặt bằng giá tiếp tục tăng trên diện rộng (CPI bình quân tăng 4,13%) Một số nhóm có mức tăng cao gồm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 12,62%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,83%; giao thông tăng 3,54%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 7,04%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,90%. Các nhóm còn lại tăng nhẹ hoặc tương đối ổn định.

Nhìn chung, mặt bằng giá tiêu dùng 8 tháng năm 2026 tại Hà Tĩnh tiếp tục tăng nhưng vẫn trong tầm kiểm soát. Áp lực tăng giá chủ yếu đến từ chi phí đầu vào, giá nhiên liệu, nguyên vật liệu xây dựng, nhu cầu tiêu dùng và biến động giá vàng; trong khi nguồn cung lương thực, thực phẩm cơ bản ổn định, một số nhóm hàng có xu hướng giảm giá đã góp phần hạn chế mức tăng CPI chung. Trong những tháng cuối năm, cần tiếp tục theo dõi sát diễn biến giá nhiên liệu, lương thực, thực phẩm, vật liệu xây dựng và các mặt hàng thiết yếu để chủ động các giải pháp bình ổn thị trường.

II. MỘT SỐ TÌNH HÌNH XÃ HỘI

1. Đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội

Trong tháng Tám và 8 tháng năm 2026 đời sống người dân trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định. Hoạt động sản xuất, kinh doanh và thị trường lao động có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, ngày 20/8, mưa lớn trên diện rộng làm cho diện tích lúa hè thu bị ngập thời điểm cao nhất lên tới 3.300 ha làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Hoạt động công nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì đà phát triển, trong đó các dự án quy mô lớn tại Khu kinh tế Vũng Áng tiếp tục được triển khai, kéo theo nhu cầu lớn về lao động trong các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, cơ khí và dịch vụ.

Công tác an sinh xã hội tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm, các chính sách trợ cấp xã hội, hỗ trợ người có công, hộ nghèo, hộ khó khăn và nhóm yếu thế được triển khai kịp thời. Nổi bật, tỉnh ban hành kế hoạch 31/KH-MTTQ-BTT về triển khai mô hình sinh kế phát triển sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn bị ảnh hưởng thiên tai trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Cụ thể: trích hơn 9,8 tỷ đồng từ Quỹ Cứu trợ tỉnh để hỗ trợ 817 mô hình, thời gian thực hiện trong 5 năm, từ tháng 8/2026 - 8/2031. Bên cạnh những thuận lợi, đời sống người dân vẫn chịu tác động nhất định từ thời tiết diễn biến phức tạp, nguy cơ thiên tai, dịch bệnh và những khó khăn của một số ngành sản xuất; công tác bảo đảm an sinh xã hội, phòng chống dịch bệnh, tạo việc làm và ổn định đời sống người dân tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện.

2. Hoạt động y tế

Trong tháng Tám, tình hình sốt xuất huyết trên địa bàn tỉnh diễn biến khá phức tạp. Tại xã Kỳ Hoa, xuất hiện 2 ổ dịch, trong đó ổ dịch tại thôn Tân Đức ghi nhận 7 ca và ngày 19/8 tiếp tục phát sinh ổ dịch mới tại khu vực giáp ranh thôn Văn Miếu và Trung Thượng với 8 ca mắc. Chỉ tính trong tháng 8 trên địa bàn đã ghi nhận 26 ca mắc sốt xuất huyết. Ngành Y tế đã tăng cường giám sát, xử lý ổ dịch và triển khai các biện pháp phòng, chống dịch. Bên cạnh sốt xuất huyết, trong tháng cũng ghi nhận 515 ca mắc cúm, 51 ca tiêu chảy, 10 ca mắc thủy đậu, 56 ca quai bị... Tính chung 8 tháng năm 2026, toàn tỉnh đã ghi nhận 237 ca mắc sốt xuất huyết, 121 ca mắc tay-chân-miệng, 447 ca quai bị, 151 ca thủy đậu, 247 ca bệnh do Virus Adeno và hơn 5,5 nghìn ca mắc cúm, các ca bệnh đều được phát hiện và điều trị kịp thời, không có người chết do dịch bệnh.

Công tác an toàn thực phẩm: tháng Tám, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm tập thể tại xã Cổ Đàm, làm 23 người bị ngộ độc; đồng thời ghi nhận 238 ca ngộ độc thực phẩm đơn lẻ, giảm 17 ca so với tháng trước. Tính chung 8 tháng năm 2026, toàn tỉnh xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm tập thể, số vụ không thay đổi so với cùng kỳ năm trước, nhưng số người bị ngộ độc tăng 19 người; số ca ngộ độc thực phẩm đơn lẻ là 1.273 ca, tăng 792 ca so với cùng kỳ năm 2025.

Công tác phòng chống HIV/AIDS: Trong tháng Tám, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh phát hiện 02 ca nhiễm mới HIV, giảm 04 ca so với tháng trước; ghi nhận 01 trường hợp tử vong do AIDS. Tính chung 8 tháng năm 2026, toàn tỉnh phát hiện 14 ca nhiễm mới HIV và có 02 trường hợp tử vong do AIDS, tăng 05 ca nhiễm mới HIV và tăng 02 trường hợp tử vong do AIDS so với cùng kỳ năm 2025.

3. Hoạt động văn hoá, thể thao

Về lĩnh vực văn hóa, trong tháng hoạt động văn hóa trên địa bàn tỉnh diễn ra sôi nổi, tập trung tuyên truyền, tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 81 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9, gắn với kỷ niệm 195 năm thành lập tỉnh Hà Tĩnh và 35 năm tái lập tỉnh. Nhiều địa phương tổ chức tuyên truyền, trang trí, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tạo không khí vui tươi phấn khởi trong nhân dân; nổi bật là tổ chức thành công lễ tổng kết, trao giải Cuộc thi “Đại sứ Văn hóa đọc” và Liên hoan Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh năm 2026; tổ chức dâng hương, báo công tại Khu lưu niệm Bác Hồ về thăm Hà Tĩnh ngày 16/8. Các hoạt động góp phần giáo dục truyền thống, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân.

Về hoạt động thể thao: Trong tháng, Hà Tĩnh đã đăng cai tổ chức thành công Giải vô địch bóng chuyền trẻ quốc gia 2026 (từ ngày 08 - 25/8) với sự tham gia của 27 đội bóng mạnh toàn quốc. Ngoài ra tham gia giải vô địch Điền kinh quốc gia U20 và U23 năm 2026 diễn ra tại Cà Mau, đoàn Hà Tĩnh giành 5 huy chương (4 HCB, 1 HCD); tham gia giải vô địch các CLB Karate quốc gia lần thứ XXVI 2026 diễn ra tại Đắk Lắk, đoàn Hà Tĩnh giành 15 huy chương (6 HCV, 5 HCB, 4 HCD).

Ngoài ra, hoạt động thể thao quần chúng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh tiếp tục diễn ra sôi nổi. Trong tháng thành lập Đoàn vận động viên, tổ chức tập luyện

chuẩn bị tham gia thi đấu giải Vô địch quốc gia môn Bơi người khuyết tật năm 2026. Bên cạnh đó công tác chuẩn bị cho ngày hội đi bộ “Cùng Việt Nam tiến bước” đang được khẩn trương thực hiện, chương trình dự kiến huy động tối thiểu 3.000 người tham gia.

4. Tình hình an toàn giao thông

Trong tháng Tám (từ ngày 15/7 đến ngày 14/8/2026), trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh xảy ra 38 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm 28 người chết và 25 người bị thương, tăng 13 vụ, 07 người chết và 09 người bị thương so với tháng trước. Trong tháng không xảy ra tai nạn đường sắt. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 934 triệu đồng.

Tính chung 8 tháng năm 2026 tình hình trật tự an toàn giao thông trên địa bàn vẫn diễn biến khá phức tạp. Toàn tỉnh đã xảy ra 266 vụ tai nạn làm 175 người chết và 192 người bị thương. Trong đó, đường bộ xảy ra 265 vụ (tăng 35 vụ so với năm 2025) làm 174 người chết (tăng 8 người) và 192 người bị thương (tăng 60 người) giá trị tài sản thiệt hại ước tính hơn 4,3 tỷ đồng; đường sắt xảy ra 01 vụ (giảm 1 vụ) làm 1 người chết (tăng 1 người); đường thủy không phát sinh tai nạn. Nhìn chung, tai nạn giao thông đường bộ tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu và có xu hướng gia tăng cả về số vụ, số người chết và số người bị thương, đặt ra yêu cầu tiếp tục tăng cường các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn.

5. Bảo vệ môi trường

Tháng Tám, toàn tỉnh phát hiện 04 vụ vi phạm môi trường, tăng 03 vụ so với tháng trước nhưng giảm 13 vụ so với cùng kỳ năm trước. Đã xử lý 04 vụ, tăng 01 vụ so với tháng trước nhưng giảm 16 vụ so với cùng kỳ năm 2025 với tổng số tiền xử phạt đạt 291,5 triệu đồng, tăng 258,5 triệu đồng so với tháng trước nhưng giảm gần 1,05 tỷ đồng (giảm 78,20%) so với cùng kỳ năm trước. Số vụ vi phạm tăng trong tháng chủ yếu do lực lượng Công an tăng cường đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, kiểm tra các cơ sở sản xuất, xử lý chất thải và kiểm soát việc vận chuyển chất thải nguy hại.

Tính chung 8 tháng năm 2026, toàn tỉnh đã phát hiện 207 vụ vi phạm môi trường, tăng 12 vụ (tăng 6,15%) so với cùng kỳ năm 2025. Số vụ đã xử lý là 114 vụ, giảm 54 vụ (giảm 32,14%) với tổng số tiền xử phạt đạt hơn 1 tỷ đồng, giảm gần 2,2 tỷ đồng (giảm 68,63%) so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù số vụ vi phạm phát hiện lũy kế có xu hướng tăng, nhưng số vụ được xử lý và số tiền xử phạt giảm đáng kể cho thấy công tác quản lý, tuyên truyền, kiểm tra và phòng ngừa vi phạm môi trường tiếp tục được các lực lượng chức năng chú trọng, góp phần hạn chế các vi phạm có tính chất và mức độ nghiêm trọng trên địa bàn.

6. Tình hình bất thường về thiên tai và hỏa hoạn

Trong tháng Tám (từ ngày 15/7/2026-14/8/2026) đã xảy ra 6 vụ cháy (giảm 1 vụ so với tháng trước), không gây thiệt hại về người, tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 187 triệu đồng. Tính chung 8 tháng năm 2026 đã xảy ra 53 vụ cháy làm 1 người chết và 1 người bị thương, giá trị tài sản thiệt hại ước tính hơn 8,6 tỷ đồng.

Nhìn chung, đến cuối tháng Tám thời tiết nắng nóng đã qua giai đoạn cao điểm, nguy cơ cháy, nổ có xu hướng giảm. Tuy nhiên, vẫn cần đề cao cảnh giác, chủ động thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy, không chủ quan, lơ là trong mọi thời điểm.

Trong tháng Tám Hà Tĩnh xảy ra 04 vụ đuối nước làm 04 người tử vong, trong đó có 02 trẻ em. Tính từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh ghi nhận 21 vụ tai nạn đuối nước làm 26 người tử vong, trong đó có 21 trẻ em. Mặc dù các địa phương đã triển khai nhiều giải pháp phòng, chống đuối nước nhưng vẫn xảy ra một số vụ việc đáng tiếc. Vì vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền và nâng cao trách nhiệm của gia đình trong quản lý, giám sát trẻ em.

Về tình hình thiên tai, ngày 20/8/2026 trên địa bàn xảy ra mưa lớn kèm theo giông sét đã gây thiệt hại tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh. Hơn 2890 con gia cầm, 04 con gia súc bị chết. Đặc biệt, tại xã Đan Hải xảy ra vụ sét đánh làm 01 người chết và 01 người bị thương.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng Tám và 8 tháng năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh./.

Nơi nhận:

- Ban TK Tổng hợp và Đối ngoại - CTK (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Ban Tuyên giáo - Dân vận Tỉnh ủy;
- VP Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Lãnh đạo Thống kê tỉnh;
- Phòng nghiệp vụ TKT;
- Thống kê các cơ sở;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, TH.



BIỂU SỐ LIỆU
BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 8 VÀ 8 THÁNG NĂM 2026
TỈNH HÀ TĨNH

1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 20 tháng 8 năm 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 219/BC-TKT ngày 28/8/2026)

	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Thực hiện kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích gieo trồng				
Lúa Hè thu	Ha	45.476	43.633	95,95
Ngô	Ha	14.706	14.249	96,89
Khoai lang	Ha	3.144	2.843	90,43
Lạc	Ha	6.268	5.107	81,47
Rau các loại	Ha	13.770	13.902	100,96
Đậu các loại	Ha	2.456	1.954	79,54

2. Chăn nuôi đến ngày 31 tháng 8 năm 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 219/BC-TKT ngày 28/8/2026)

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Ước thực hiện kỳ báo cáo	Thực hiện kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Gia súc (con)			
Trâu	60.352	49.983	82,82
Bò	153.465	135.592	88,35
<i>Trong đó: Bò sữa</i>	2.093	2.139	102,20
Lợn	339.360	348.586	102,72
Gia cầm (nghìn con)	10.110	10.203	100,92
<i>Trong đó: Gà</i>	8.532	8.618	101,01

3. Lâm nghiệp

(Kèm theo Báo cáo số: 219/BC-TKT ngày 28/8/2026)

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 8 năm 2026	Ước tính 8 tháng năm 2026	Tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	155	5.684	35,86	140,01
Sản lượng gỗ khai thác	Nghìn m3	35,13	35,13	76,05	135,39
Số vụ cháy rừng (tính đến ngày 15 hàng tháng)	Vụ	3	10	-	-
Diện tích rừng bị cháy (tính đến ngày 15 hàng tháng)	Ha	1,3	17,3	-	-
Số vụ phá rừng (tính đến ngày 15 hàng tháng)	Vụ	3	22	42,86	66,67
Diện tích rừng bị phá (tính đến ngày 15 hàng tháng)	Ha	1,06	5,17	107,00	68,46
Số cây lâm nghiệp trồng phân tán	1000 cây	39	1.444	-	92,62

4. Sản lượng thủy sản

(Kèm theo Báo cáo số: 219/BC-TKT ngày 28/8/2026)

	Ước tính tháng 8 năm 2026 (Tấn)	Ước tính 8 tháng năm 2026 (Tấn)	Tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng sản lượng thủy sản	7.240	43.331	104,61	103,37
Cá	3.916	26.535	104,87	103,60
Tôm	1.852	4.488	105,95	105,15
Thủy sản khác	1.472	12.308	102,29	102,23
Sản lượng thủy sản nuôi trồng	2.883	11.589	104,57	103,85
Cá	699	4.819	102,64	102,53
Tôm	1.766	3.763	106,13	105,67
Thủy sản khác	418	3.007	101,46	103,76
Sản lượng thủy sản khai thác	4.357	31.742	104,63	103,19
Cá	3.217	21.716	105,37	103,84
Tôm	86	725	102,38	102,55
Thủy sản khác	1.054	9.301	102,63	101,74

5. Chỉ số sản xuất công nghiệp

(Kèm theo Báo cáo số: 219/BC-TKT ngày 28/8/2026)

Đơn vị tính: %

	Tháng 7 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	Ước tính tháng 8 năm 2026 so với tháng trước	Ước tính tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	167,52	105,75	164,19	140,19
<i>Phân theo ngành kinh tế cấp II</i>				
Khai khoáng	100,25	98,79	105,02	91,49
Khai thác quặng kim loại	29,92	101,10	78,23	63,54
Khai khoáng khác	103,06	98,76	105,45	92,23
Công nghiệp chế biến, chế tạo	162,93	105,08	175,29	139,40
Sản xuất chế biến thực phẩm	75,96	98,15	99,85	105,40
Sản xuất đồ uống	98,29	98,97	114,93	109,48
Dệt	146,39	83,40	150,68	133,47
Sản xuất trang phục	49,09	133,80	54,39	74,42
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	55,91	107,81	57,77	77,22
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	116,67	96,43	108,00	120,16
In, sao chép bản ghi các loại	119,99	112,88	126,57	111,83
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	110,65	96,82	128,48	106,75
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	154,84	67,72	124,32	118,78
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	122,39	102,82	125,02	123,45
Sản xuất kim loại	145,20	95,56	158,80	120,50
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	106,78	100,73	108,88	104,31
Sản xuất thiết bị điện	238,04	132,45	210,97	166,89

	Tháng 7 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	Ước tính tháng 8 năm 2026 so với tháng trước	Ước tính tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
Sản xuất xe có động cơ	1.822,50	141,54	440,94	1.970,18
Sản xuất phương tiện vận tải khác	32.646,30	86,77	26.902,50	16.400,08
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	89,58	104,63	91,86	95,45
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	217,42	109,90	138,63	152,18
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	217,42	109,90	138,63	152,18
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	109,58	99,55	106,19	103,40
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	110,71	99,55	106,98	103,43
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	98,34	99,59	98,03	103,04

6. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

(Kèm theo Báo cáo số: 219/BC-TKT ngày 28/8/2026)

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 7 năm 2026	Ước tính tháng 8 năm 2026	Cộng dồn 8 tháng năm 2026	Tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	215	220	1.956	73,33	105,71
Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	25	25	307	83,33	50,24
Đá xây dựng khác	1000 M ³	217	205	1.590	95,76	81,24
Mực đông lạnh	Tấn	44	41	267	64,31	186,41
Chè (trà) nguyên chất (như: chè (trà) xanh, chè (trà) đen)	Tấn	304	320	1.614	106,14	105,04
Thức ăn cho gia súc	Tấn	1.599	1.633	11.462	117,80	131,68
Bia đóng lon	1000 Lít	8.083	8.000	61.245	114,93	109,48
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ...	Tấn	1.319	1.100	8.698	150,68	133,47
Vỏ bào, dăm gỗ	1000 Tấn	21	24	281	53,77	76,86
Than cốc và bán cốc luyện từ than non hay than bùn	1000 Tấn	260	251	2.027	128,48	106,75
Dịch vụ sản xuất dược phẩm	Triệu đồng	20.492	13.877	122.021	124,32	118,78
Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	8.045	8.504	60.665	105,35	118,22
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M ³	61.223	59.676	409.005	184,40	161,16

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 7 năm 2026	Ước tính tháng 8 năm 2026	Cộng dồn 8 tháng năm 2026	Tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Điện sản xuất	Triệu KWh	1.367	1.510	12.405	139,83	154,06
Điện thương phẩm	Triệu KWh	212	210	1.440	119,77	116,44
Nước uống được	1000 M ³	2.262	2.232	16.313	105,08	94,54
Nước không uống được	1000 M ³	2.732	2.720	19.673	107,00	103,54
Rác thải không độc hại đã thu gom không thể tái chế	Tấn	9.225	9.158	74.921	97,75	103,74

7. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

(Kèm theo Báo cáo số: 219/BC-TKT ngày 28/8/2026)

	Thực hiện tháng 7 năm 20256 (Tỷ đồng)	Ước tính tháng 8 năm 2026 (Tỷ đồng)	Cộng dồn 8 tháng năm 2026 (Tỷ đồng)	8 tháng năm 2026 so với kế hoạch năm 2026 (%)	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	1.242,26	1.279,77	5.713,74	61,14	132,01
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	1.068,57	1.103,59	4.766,45	59,62	118,89
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	931,07	955,59	3.997,80	59,10	139,33
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	362,04	377,92	1.572,48	40,04	133,53
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	15,00	13,00	267,76	85,41	32,44
Vốn nước ngoài (ODA)	122,50	135,00	500,89	55,83	159,37
Xỏ số kiến thiết	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	173,69	176,18	947,29	70,15	296,95
Vốn cân đối ngân sách xã	173,69	176,18	947,29	70,15	296,95
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	173,69	176,18	947,29	70,15	296,95
Vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-

8. Doanh thu bán lẻ hàng hoá

(Kèm theo Báo cáo số: 219/BC-TKT ngày 28/8/2026)

	Thực hiện tháng 7 năm 2026 (Tỷ đồng)	Ước tính tháng 8 năm 2026 (Tỷ đồng)	Cộng dồn 8 tháng năm 2026 (Tỷ đồng)	Tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số	5.405,54	5.505,94	41.403,29	122,96	116,02
<i>Phân theo nhóm hàng</i>					
Lương thực, thực phẩm	1.141,55	1.114,15	10.076,24	101,87	111,95
Hàng may mặc	197,54	204,71	1.544,18	123,11	121,03
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	1.647,80	1.787,14	10.988,39	156,43	123,61
Vật phẩm, văn hóa, giáo dục	93,09	95,30	546,83	121,92	119,90
Gỗ và vật liệu xây dựng	201,14	200,16	1.549,75	98,94	97,26
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	304,40	295,00	2.310,97	224,97	182,25
Phương tiện đi lại (kể cả phụ tùng)	109,25	111,02	917,06	123,39	130,79
Xăng, dầu các loại	1.216,28	1.204,50	9.465,05	108,51	105,76
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	71,85	71,65	556,17	135,18	140,87
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	64,39	61,28	525,99	127,82	140,74
Hàng hóa khác	178,57	181,72	1.449,55	119,48	119,85
Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	179,68	179,31	1.473,13	85,07	93,54

9. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

(Kèm theo Báo cáo số: 219/BC-TKT ngày 28/8/2026)

	Thực hiện tháng 7 năm 2026 (Tỷ đồng)	Ước tính tháng 8 năm 2026 (Tỷ đồng)	Cộng dồn 8 tháng năm 2026 (Tỷ đồng)	Tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	660,09	630,74	4.468,73	122,34	116,64
Dịch vụ lưu trú	87,02	68,59	392,74	139,16	121,57
Dịch vụ ăn uống	573,07	562,15	4.076,00	120,56	116,18
Du lịch lữ hành	11,85	9,39	69,15	121,35	119,81
Dịch vụ tiêu dùng khác	897,17	909,13	6.809,91	114,24	111,08

10. Hoạt động lưu trú, du lịch, lữ hành

(Kèm theo Báo cáo số: 219/BC-TKT ngày 28/8/2026)

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 7 năm 2026	Ước tính tháng 8 năm 2026	Cộng dồn 8 tháng năm 2026	Tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
I. Dịch vụ lưu trú						
1. Lượt khách phục vụ	Lượt khách	357.462	281.100	1.647.480	132,02	118,89
- Lượt khách ngủ qua đêm	"	177.547	139.740	828.134	133,63	118,35
+ Khách quốc tế	"	3.784	2.849	18.612	136,71	130,01
+ Khách trong nước	"	173.763	136.891	809.522	133,56	118,11
- Lượt khách trong ngày	"	179.915	141.360	819.346	130,46	119,43
2. Ngày khách phục vụ	Ngày khách	294.870	231.993	1.370.816	133,22	119,66
- Khách quốc tế	"	11.200	8.523	56.605	144,83	138,64
- Khách trong nước	"	283.670	223.470	1.314.211	132,81	118,96
II. Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch						
1. Lượt khách du lịch theo tour	Lượt khách	3.094	2.390	17.814	120,83	120,45
- Lượt khách quốc tế	"	281	222	1.695	115,63	118,20
- Lượt khách trong nước	"	2.675	2.060	15.339	121,18	120,83
- Lượt khách VN ra NN	"	138	108	780	125,58	118,00
2. Ngày khách du lịch theo tour	Ngày khách	8.441	6.690	49.167	121,59	119,58
- Ngày khách quốc tế	"	685	535	4.039	119,69	119,25
- Ngày khách VN đi trong nước	"	7.385	5.865	42.998	122,19	119,92
- Ngày khách VN ra NN	"	371	290	2.130	113,73	113,54

11. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

(Kèm theo Báo cáo số: 219/BC-TKT ngày 28/8/2026)

Đơn vị tính: %

	Chỉ số giá tháng 8 năm 2026 so với:				Chỉ số giá bình quân so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc năm 2024	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	106,63	104,62	103,14	100,18	104,13
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	108,40	105,59	101,95	100,26	104,83
Trong đó:					
<i>Lương thực</i>	110,47	109,44	100,89	100,07	108,80
<i>Thực phẩm</i>	108,27	104,96	101,51	99,95	104,42
<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	107,50	105,22	104,35	101,56	103,66
Đồ uống và thuốc lá	101,20	100,52	100,31	99,07	100,82
May mặc, mũ nón, giày dép	113,00	111,84	101,81	100,20	112,62
Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXI	110,13	107,92	108,43	98,80	107,04
Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,58	100,40	100,06	99,83	101,23
Thuốc và dịch vụ y tế	100,83	100,31	100,31	100,06	100,15
59/ Dịch vụ y tế	100,37	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	101,77	104,55	104,99	102,64	103,54
Thông tin và truyền thông	100,05	99,36	99,33	99,63	100,67
Giáo dục	113,54	102,10	101,44	99,93	101,10
70/ Dịch vụ giáo dục	115,45	102,02	101,68	100,11	100,74
Văn hoá, giải trí và du lịch	101,45	100,45	100,70	99,84	100,76
Hàng hóa và dịch vụ khác	108,82	103,42	102,75	100,02	101,90
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	177,97	121,99	93,82	100,91	147,66
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	105,71	96,01	95,97	99,85	96,71

12. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

(Kèm theo Báo cáo số: 219/BC-TKT ngày 28/8/2026)

	Ước tính tháng 8 năm 2026 (Tỷ đồng)	Cộng dồn 8 tháng năm 2026 (Tỷ đồng)	Tháng 8 năm 2026 so với tháng trước (%)	Tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số	904,45	6.565,66	102,65	126,62	118,98
Vận tải hành khách	176,89	1.306,03	102,59	123,40	115,46
Đường bộ	176,84	1.305,66	102,59	123,43	115,49
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	0,04	0,37	101,08	59,38	55,92
Đường hàng không	-	-	-	-	-
Vận tải hàng hóa	526,15	3.797,42	102,74	126,40	116,58
Đường bộ	450,46	3.245,40	102,89	128,27	117,90
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	75,24	548,84	101,89	116,27	109,35
Đường thủy nội địa	0,45	3,18	103,67	128,41	116,98
Đường hàng không	-	-	-	-	-
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	191,43	1.386,00	102,48	130,99	129,56
Bưu chính chuyển phát	9,98	76,21	101,83	116,86	127,51

13. Vận tải hành khách và hàng hoá

(Kèm theo Báo cáo số: 219/BC-TKT ngày 28/8/2026)

	Ước tính tháng 8 năm 2026	Cộng dồn 8 tháng năm 2026	Tháng 8 năm 2026 so với tháng trước (%)	Tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1.070,68	7.419,62	103,92	115,67	114,28
Đường bộ	1.055,60	7.298,59	103,94	116,96	115,18
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	15,08	121,02	102,79	65,11	77,70
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Triệu HK.km)	226,01	1.541,58	103,01	114,65	118,24
Đường bộ	225,99	1.541,45	103,01	114,66	118,24
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	0,02	0,13	102,50	72,36	76,89
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	4.746,60	34.216,50	103,66	114,55	116,28
Đường bộ	4.383,47	31.582,19	103,78	114,58	116,66
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	358,40	2.601,61	102,27	114,21	111,85
Đường thủy nội địa	4,73	32,70	103,05	115,37	115,96
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Triệu tấn.km)	475,86	3.308,70	103,42	117,06	114,97
Đường bộ	199,23	1.308,77	104,00	118,17	119,28
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	276,51	1.999,12	103,00	116,27	112,31
Đường thủy nội địa	0,12	0,82	102,77	111,16	115,45
Hàng không	-	-	-	-	-

14. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

(Kèm theo Báo cáo số: 219/BC-TKT ngày 28/8/2026)

	Ước tính tháng 8 năm 2026 (Triệu USD)	Cộng dồn 8 tháng năm 2026 (Triệu USD)	Tháng 8 năm 2026 so với tháng trước (%)	Tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Trị giá Xuất khẩu	162,80	1.104,97	108,10	104,64	104,51
<i>Một số mặt hàng xuất khẩu</i>					
Thủy sản	0,20	0,90	166,67	-	-
Chè	0,80	3,00	111,11	166,67	85,71
Dăm gỗ	10,00	60,43	140,85	160,26	146,46
Hàng dệt và may mặc	5,00	25,57	121,36	221,24	85,66
Xơ, sợi dệt các loại	3,00	13,41	101,35	370,37	147,36
Thép, phôi thép	130,60	834,42	108,00	128,44	99,42
Trị giá Nhập khẩu	295,60	1.844,46	101,79	175,51	99,61
- Nhập khẩu từ Formosa	196,50	1.199,65	100,46	240,51	90,34

15. Trật tự, an toàn xã hội

(Kèm theo Báo cáo số: 219/BC-TKT ngày 28/8/2026)

	Đơn vị tính	Sơ bộ tháng 8 năm 2026	Cộng dồn 8 tháng năm 2026	Tháng 8 năm 2026 so với tháng trước (%)	Tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tai nạn giao thông						
Tổng số vụ tai nạn giao thông	Vụ	38	266	152,00	152,00	114,66
Đường bộ	"	38	265	152,00	152,00	115,22
Đường sắt	"	-	1	-	-	50,00
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người chết	Người	28	175	133,33	103,70	105,42
Đường bộ	"	28	174	133,33	103,70	104,82
Đường sắt	"	-	1	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người bị thương	Người	25	192	156,25	83,33	144,36
Đường bộ	"	25	192	156,25	83,33	145,45
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Cháy, nổ						
Số vụ cháy, nổ	Vụ	6	53	85,71	66,67	100,00
Số người chết	Người	-	1	-	-	-
Số người bị thương	"	-	1	-	-	50
Tổng giá trị tài sản thiệt hại	Tr.đồng	187,00	8.611,18	12,31	18,00	174,19